T011 BD 2 (23) 160-Luận Bồ Tát Bản Sanh Man-Q7-Như Lai Đầy Đủ Trí Tuệ Không Gánh Việc Tốt Người Khác

Đại Tạng Kinh (Linh Sơn Pháp Bảo)

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN QUYỂN 7

Tâm ý tự tại, nghĩa lợi viên mãn. Giữ giới thanh tịnh, luật nghi an trụ. Mong cầu bỉ thử, không phiền não chướng. Chi phần cõi ý, tịch tĩnh hiện bày. Tên gọi sắc tướng, tánh là năm uẩn. Tâm ý như vậy, muốn đạt an lành. Thiện lợi, phước đức tịch nhiên trọn đủ. Nghiệp dữ như thế số lượng gồm ba. Bốn đại, năm uẩn vốn luôn biến chuyển. Tự tánh (vốn) tịch tĩnh, thiện diệu, an lạc. Hạnh nguyện Bồ-tát tăng trưởng thuận hợp. Bậc đại hữu tình lực dụng tự tại. Thiền định, tâm lặng, ý thức không xao. Hành, giải như thế mới mong độ khắp. Ngọn nguồn tai nạn thảy nên xa lìa, là chốn viên mãn, dứt tuyệt hý luận. Cầu pháp chân thật, phiền não dứt trừ cùng tâm nhiễm ác. Sắc tướng Bồ-tát trang nghiêm viên mãn. Thân thể thù thắng, nơi chốn thị hiện trăm thứ tinh diệu. Hình tướng bạo lực, phiền não chẳng sinh. Tự tánh thành tựu, điên đảo đều dứt. Đức hạnh tự tại, pháp nhiễm không còn. Ngọn nguồn ái lạc là pháp Thập thiện. Tịch tĩnh thượng diệu, tu tập thuận hợp. Cõi ý vô ngã chuyên cần bày biện. Nghĩa lợi Bồ-tát theo hạnh như như. Luật nghi thích hợp là xứ bất thoái. Thiền định viên mãn rõ hạnh không nhiễm. Tâm ý khế hợp, oan nghiệp chẳng đeo. Xa lìa mọi ác (chính là) ngọn nguồn tạo tác ngã mạn, si độn. Tu hạnh bố thí, si mạn tự dừng. Trí tuệ bình đẳng tạo tác ngã mạn, si độn. Tu hạnh bố thí, si mạn tự dừng. Trí tuệ bình đẳng tạo tác, chuyển biến. Kiên định dốc tu, an trụ như vậy, là xứ Bồ-tát thanh tịnh tùy thuận. Lực dụng hướng cầu, hành mười nghiệp thiện. Giới mốc như thế, tịch tĩnh trọn đầy. Gốc các phiền não do nhân ý nhiễm, bạo lực phát sinh. Chế ngự cõi ý, gốc nhiễm tự diệt. Bình đẳng thù thắng, thân sơ chẳng phân. Mong dứt nhân vọng hàng Bà-la-môn. Tịch tĩnh trang nghiêm truyền dạy đầy đủ. Giáo hóa muôn loài dứt bỏ ưu khổ. Nghe, giữ gồm đủ, tăng trưởng hành động. Nghiệp dữ tận cùng (là) đói khát bức bách. Giảng dạy thắng nghĩa, hốt nhiên tự diệt. Chi phần dòng thác tạo mọi si độn. Ngã mạn hiện bày, (cũng) âm thầm dứt sạch. Điên đảo (như) gió cuốn, phiền não không bờ. Nhân duyên trói buộc (mọi) tạo tác chân thực. Thể tánh tự tại, ngôn ngữ thuận hợp. Phiền não, mạn dứt, Thiện diệu an trụ, như thêm hương vị. Ngọn nguồn cõi ý không nhân đảo điên. Lực dụng vương giả như gió xua cỏ. Lời vương như vậy, giúp đỡ thích hợp, ngôn ngữ đúng phép. Sắc tướng tự tại, thu bày đều đạt. Thảy đều kính tu, thể không bạo lực. Trí tuệ thanh tịnh, nhân diệu tăng thêm. Tánh không đảo điên, giảng truyền thuận hợp. Thắng nghĩa vi diệu, bình đẳng đích thực. Thể Như như lớn, biến chuyển không nhiễm, đạt nhân bố thí, trí tịnh bất thoái. Hành, giải thượng diệu, tròn hạnh thù thắng. (Cõi) Tứ thiền tịch tĩnh, ngôn ngữ khế hợp. Cõi dụng không bờ, gốc mọi tướng mạo. Lực dụng không hoại, gồm đủ thù diệu. Luận bàn (theo lý) vô ngã, đạt gốc trí tuệ. Ngôn ngữ tịnh diệu, giáo hóa quần sinh. (Cùng với) nơi chốn, xóm làng, nghiệp dữ, pháp nhiễm, đều được an lành, oan báo đều dứt. Đúng nơi hình tướng vương giả an tĩnh. Nghĩa lợi thù thắng, lời ban hiệu lực. Chúng dân như thế, lãnh hội rõ ràng. Dưỡng nuôi các loài thấu đạt, thuận hợp. Tu tập tịch tĩnh, (đạt đến) cõi tánh thù thắng. Hữu tình thanh tịnh,

nghiệp nhân bất thoái. Ngôn ngữ khế hợp tăng trưởng như thế. Thế nào gọi là trí tuệ bình đẳng? Thể tánh thanh tịnh, rời cõi hý luận. Cõi tánh vọng động (dẫn tới việc) tạo nghiệp đích

thực. Các pháp thanh tịnh, lực trừ từ gốc. Các pháp thiện ấy dứt ác, (tạo) nghĩa lợi. Tự tánh vi diệu, thanh tịnh chân thật. Bạo ác hết mực (chính là) trói buộc ngay gốc. Tạo nhân thắng nghĩa, lãnh hội đầy đủ. Mọi ác xấu ấy thảy đều tự dứt. Là cõi Dạ-xoa thanh tịnh, không nhiễm. Nghĩa lợi Thập thiện, đạt chốn an tĩnh, ngọn nguồn tịch tĩnh. Tạo nhân rộng lớn, đạt lực thanh tịnh. (Đó là) dung mạo của chốn tĩnh lặng, ung dung. Chú nguyện chân thực tánh sinh hàng Thiên. Nghĩa lợi thanh tịnh, đói khát chẳng còn. Giảng lẽ tối thượng, lãnh hội giữ gìn, mọi thứ vọng tưởng, phải nên trừ diệt. Trí tuệ tịnh diệu, tự tại vô biên, dứt thảy tranh nhiễm, náo loạn, si độn, kiêu mạn. Xứ sở tịnh diệu, giảng lý thanh tịnh, (mọi thứ) đói khát, đảo điên (đều được) nuôi dưỡng an lạc. Như ánh trăng trong xua tan nóng bực. Si độn trói buộc, nhiễm dục thảy dừng. Tạo nhân bố thí, tham nhiễm dần hết. Là cõi Bồ-tát tùy thuận bình đẳng. Ngọn nguồn lâu đời, nghiệp dữ cũng diệt. Ngôn ngữ tham dục, si độn, ngã mạn, thể không trong lặng. Tánh của dục nhiễm, thể vốn tạp loạn. Đạt nhân tối thượng, dứt trừ điên đảo. Tánh của phiền não tăng dấy như thế. Tu hạnh Như như phải gắng dứt trừ. Như chốn oan báo Thiên đế, Thiên hậu đúng là hoạn nạn. Tham dục, điên đảo làm sao dứt trừ? Ở chốn thắng nghĩa, căn bản vắng lặng. Mong được lực dụng tự tại, thù thắng. Dốc lòng dưỡng nuôi, tăng thêm tánh thiện. Như mẹ yêu dưỡng, phiền não lặng yên. Các chúng thanh tịnh đạt được an lạc. Nghĩa lợi thù thắng (là) "Vô úy" chân thực. Giáo hóa (theo) mẫu mực, tự tại cùng tận. Thế nào là mong cầu hành động tham dục? Hoan hỷ, cung kính lời Bồ-tát dạy. Hướng đạt nghĩa lợi, dứt mọi đảo điên. Thấu đạt lời dạy của Đức Bổn Sư, lìa mọi phiền não, đạt cảnh tịch tĩnh. Tham dục, si độn, điên đảo, buộc che. Thế gian sầu lo, chịu mọi thống khổ. Dục tham nghĩa lợi thì cũng như vậy. Thế là nhân nhiễm tạo pháp điên đảo, cùng với kiêu mạn, che lấp, trói buộc. Bố thí rộng khắp, theo nhân giáo hóa. Đạt được thắng nghĩa tịch tĩnh, vô tướng. Thế nào là tĩnh trụ hòa hợp, an lạc? Xa lìa tranh, nhiễm, tâm thiện cùng bày. Nhân gốc (của) ngã mạn chính là tham dục. Tận cùng tăng trưởng (là) cúng dường Thánh hiền. Dạy bảo (về lẽ) thanh tịnh, rõ nghĩa giáo hóa. Như chốn oan báo Thiên đế, Thiên hậu. Ngôn ngữ giải bày, biến hóa thích ứng. Các chúng tự tại, vô hữu viên mãn. Tạo nghiệp tịch tĩnh, đức, dũng gồm đủ. Cội nguồn giáo hóa: dứt hết chướng ngại. (Đạt được) tịch tĩnh, xa lìa dòng thác đảo điên. Thảy đều là nơi phát sinh bố thí. Tu tập thanh tịnh, mong được tịch tĩnh. Bồ-tát ứng hiện, dẫn dắt chúng sinh phát khởi theo nhân thanh tịnh. Là chốn Bồ-tát bố thí thích hợp, hành giải sinh khởi. Tùy thuận tịnh diệu, làng xóm yên lành. Lực dụng tận cùng (là) pháp Đại thừa mở. Phiền não (nơi) chín địa tùy thuận cõi trời. Vua tôi tự tại, dạy truyền đây đó. Oan báo Thiên đế, Phi đẹp, kiêu mạn, đúng là dòng thác phiền não cấu nhiễm trói buộc, dấy lên ngã mạn, phóng túng. Ngôn ngữ thượng diệu, tự tại viên mãn. Trí tuệ thông tỏ, phiền não đều dứt. Đạt cõi thắng nghĩa như A-la-hán. Báo thân tự tại (gồm đủ) hai trí chân, tục. Hình tướng bao la như cõi hư không. Sám hối lỗi lầm, (đó là) buộc ngã cùng tận. Tai nạn xa lìa, mong được dứt bỏ. Ba độc (buộc) chúng sinh, sám trừ điều ấy. Hướng cầu sinh Thiên, đủ mọi an lạc. Lìa xa tham dục, rời bỏ si độn. Thực hành bố thí,

tu hạnh Như Lai, tịch tĩnh hiển hiện. Nên vì muôn loài gánh vác, giáo hóa, trọn đủ không ngại. An tĩnh bỉ thử, viên mãn yên định, hoạn nạn không còn. Trưởng giả bạn lành, theo hạnh bố thí, bạo lực các hạng cũng không phân biệt. Hình tướng viên mãn, đạt giá trị lớn. Người ấy: phiền não cùng dự, oan đối cùng ở. Tu tập tinh tấn, đúng nghĩa giải thoát.

Bồ-tát tu hạnh bố thí, thêm vẻ trang nghiêm, Tôn giả hộ quốc bản sinh nghĩa thứ mười chín. Đức hạnh (của) tự tánh, chân thật, diệu dụng. Phiền não hiện bày vui mong dứt sạch. Tu tập nghiêm túc, nhiễm vọng dần tiêu. Đó là tùy thuận thấu đạt. Bồ-tát "Tịch mặc" tộc họ chính đáng. Vô tận, bao la, lìa mọi xấu ác. Theo nhân tịnh diệu, mong đạt yên tĩnh. Dạy bảo, dắt dẫn, dứt các si mạn. Bi nguyện tùy thuận, bình đẳng an lạc. Tánh không ngã mạn, hành hóa rộng khắp. Đạt pháp Đại thừa, tạo nhân căn bản. Cầu chốn an tĩnh, trí tuệ thanh tịnh. Chánh pháp thấu đạt, lực tu tự tại. Thị hiện ở đời, cõi tịnh an trụ. Là nơi thâm tâm thanh tịnh hiện bày. Tộc họ vương giả bền vững lâu đời. Phiền não quấy nhiễu chi phối đều dứt. Cứu giúp muôn loài, thế gian ít có. Tâm ý dốc tu, tạo nhân tịnh diệu, tự lực giác ngộ. Đại nguyện Bồ-tát, hóa độ chúng sinh, chỉ dạy căn lành, thảy đều viên mãn. Tịch tĩnh nhiều kiếp, làm thân hữu tình. Năng cầu tu tập, an trụ thiện định. Theo đường khổ hạnh, (đạt) thắng nghĩa căn bản. Giới đức thanh tịnh, tự tánh như thế. Nghĩa lợi bậc Thánh (gồm) chín loại hình tướng. Sinh khởi tận cùng, điều phục tột bậc. Tích tụ giới đức, rõ đoạn buộc ràng. Căn bản tịch tĩnh, gánh vác thuận hợp. Tánh vốn là không, sắc tướng nào có. Ghi nhớ, lãnh hội nhân mọi vọng tưởng. Chúng sinh sao được hình tướng giải thoát? Tai nạn thảy lìa, an trụ trong lặng. Ngã mạn chẳng còn, xa lìa nhà cửa, bụi bặm, ác nhiễm. Tịch tĩnh phát sinh các hạnh vi diệu. Tự tánh thanh tịnh, nghiệp tịnh căn bản tăng trưởng không ngừng. Nhân diệu gắng theo, chế ngự xua tan phiền não thống khổ. Thắng nghĩa tịnh diệu, cõi trời đầy đủ. Giữ giới thanh tịnh, đạo hạnh khế hợp. Thắng giải tự tại, nhân tịnh viên mãn, (đó là) tùy thuận tận cùng. Xa lìa che, buộc, bỏ lời kinh sợ. Yêu, nuôi các loài, an lạc, dứt nhiễm, dứt bỏ chấp ngã, (cùng với) nhà ruộng bao thứ. Đó chính là xứ hành động mong đạt. Chẳng theo bố thí, tự tánh lu mờ. Ham muốn bạo lực, sắc tướng càng tăng. Thế nào là vọng tưởng: "Nhân ít quả nhiều", các nẻo luân hồi, lời dạy nêu rõ? Không còn tranh nhiễm (là) gốc mọi xứ sở. Tùy thuận trọn đủ các pháp ái, lạc. Thế nào là các pháp thắng nghĩa tối thượng? Bi nguyện tự tại – chúng sinh cùng tận – bạn lành dứt ác – các nhiễm nên dừng. Bố thí trí tuệ. Diệt cõi ngã mạn. Tự tánh giữ giới. Thuận hợp tịch tĩnh. Hành, giải tùy thuận, đạt nhân bố thí. Thắng nghĩa thanh tịnh. Tùy thuận chủng loại, bậc Thánh nhận rõ. Theo pháp chân thật xa lìa đảo điên. Nghe, giữ gồm đủ, mong dứt pháp nhiễm. Tánh giới vi diệu, phiền não hằng dứt. Lực dụng tự tại, cơm áo thi ân. Hòa hợp không tranh, không điên đảo, mạn. Tu pháp điều phục, hành hạnh thành tựu. Là chốn Bồ-tát nguyện độ muôn loài. Tinh tấn không ngừng, hướng đạt viên mãn. Hạnh nguyện bất thoái, vì (nhằm dứt) gốc phiền não. An trụ thanh tịnh, hành nhân như như. Si, độc, nghiệp dữ, khổ não, đói khát, dứt sạch từ gốc. Thắng nghĩa căn bản (là) lực dụng từng niệm, lìa bỏ trói buộc. Làng xóm thành ấp, nơi chốn an lạc. Bản nguyện bố thí (là) hòa hợp vắng lặng. Cứu cánh tịch tĩnh. Nội lực thâm hậu. Mong đạt tận cùng. Gốc mọi mê, vọng, tai nạn đều lìa. Vọng chấp khó rời, (cần có) thắng nghĩa điều phục. Trí tuệ thấu

đạt thông tỏ mọi lẽ. Âu lo khổ não. Hình bóng con người. Thể tánh vốn không. Chúng Bà-la-môn trí tuệ là có. Thành ấp, làng xóm, dân chúng an ổn. Dốc tu dứt bỏ tham ái trói buộc. Phát tâm quy ngưỡng giáo pháp Đại thừa. Chúng sinh thế gian học đạo Như Lai, hòa hợp dứt khổ. Thực thể phiền não tùy thuận nghiệp thiện. Hữu học dốc tu, phiền não tự dứt. Là cõi vương giả hành hạnh Bồ-tát. Lực dụng thuận hợp, chủng tộc viên mãn. Tự tại hiện bày, tiếng tăm khắp chốn. Trí tuệ tĩnh lặng, thân tướng an trụ. Bậc Đại trượng phu cõi nước yên định. Trí tuệ

tịch tĩnh, tỏ tánh vốn như. Diệu hạnh thanh tịnh, phát khởi tận cùng. Điều phục tự tại, hướng đến tối thượng. Quả báo tịnh diệu, hình tướng ung dung. Trí tuệ cõi trời, chúng sinh nghe giữ, là cõi rộng lớn, chúng sinh thanh tịnh, tĩnh lặng, thâm diệu. Si, mạn đều sạch. Sinh khởi thù thắng, biến chuyển an nhiên. Nghiệp dữ, oán đối, âm thầm vắng bóng. Trí tuệ dũng lực, thông tỏ, thích ứng. Dung mạo hài hòa, chúng sinh quy kính. Xóm làng sung túc, chân thực, hiền lành. Thế nào là xứ sở tùy thuận kiêu mạn, phóng túng? Sinh kế si độn, dẫn tới tận cùng. Trí tuệ hành, giải, đức hạnh thanh tịnh. Xứ sở tịch tĩnh, căn lành không nhiễm. Hữu tình hòa hợp, nhận thức khác nhau. Trí tuệ bình đẳng, áo cơm thí khắp. Phiền não, nghiệp chướng gốc rễ giống (như) người. Gốc đã bị nhiễm, ngọn cũng mất theo. Giáo pháp chân thật, dứt trừ như vậy. Nhiễm, buộc thế ấy phút chốc tiêu tan. Si, mạn cũng diệt. Như Lai hộ trì, như trời che lấp. Tùy thuận hiện bày. Lực dụng trí tuệ, công năng vô biên. Như vua an trụ. Thế nào là trí tuệ điều phục bày hiện? Lời thiện khích lệ (hướng tới) cứu cánh giải thoát. Trí tuệ như thế, tạo nhân tùy thuận. Là chốn có vua, giáo lệnh tự tại, dân chúng tuân hành. (Ví như) Xứ sở kiêu mạn, nhiễm buộc dấy đầy, chúng sinh khổ não, (tất cả đều được) ổn định như trước. Nhân điên đảo ấy, dẫn tới chấp ngã. Mong cầu nghiệp dữ không duyên chẳng dấy. Là chốn tự tánh hiện bày hỗn tạp: vọng tưởng, oán đối, yếu kém, ngu muội, buộc che tự dừng; kiêu mạn trói buộc chúng sinh; (bậc có) trí tịnh, ý thông hiện rõ, dứt sạch mọi thứ phiền não ấy. Ngã mạn lớn lao, chính là gốc rễ. Ngôn ngữ thuận diệu, trí tuệ tăng trưởng, rõ nghĩa giải thoát. Tất cả chúng sinh kính chúng thanh tịnh. Cõi tánh trong lặng, hý luận chẳng còn. Dòng thác chẳng diệt, khổ não không bờ. Mẫu mực thượng diệu dựa theo thắng nghĩa. Bố thí rộng khắp, cầu nhân cõi trời. Đói khát, ưu phiền, trí tuệ không (bị) mờ. Thấu đạt tịnh diệu, an lạc như vậy. Trí tịnh nghe, giữ như lọng phủ che. Tịch tĩnh tăng trưởng, pháp nhiễm chẳng sinh. Như giáo lệnh vua, tạo nhân Thiên tịnh, trí tuệ phát sinh. Thường không tham dục, thanh tịnh càng tăng. Lực dụng trí tuệ gồm đủ chánh định. Thù thắng tận cùng (là) đạo hạnh tăng trưởng. Thượng phẩm tịnh diệu (là) tự tại bao trùm. Cứu cánh tận cùng (là) thế gian yên tĩnh. Xứ sở tột bậc (là) khắp chốn bình đẳng. Thắng nghĩa phát sinh, tạo nhân đạt quả. Bồ-tát khuyên dạy. Như bậc vương giả. Theo dụng trí tuệ, tu hạnh vô tướng. Tịnh diệu cõi trời, xa lìa che buộc. Bỏ quên cội rễ, tạo pháp hý luận. Nhân không chân thật, hành oán đối sinh. Tịnh diệu tăng trưởng mong dứt pháp nhiễm. Nhân hành phát sinh đúng lý tự tánh. Đức nghiệp thanh tịnh, dứt trừ các mạn. Tịch tĩnh tu học, hành động dũng mãnh. Dìu dắt muôn loài diệt trừ ngu muội, đạo đức hiện bày khắp mọi nơi chốn. Vọng nhiễm dứt sạch, tự tại diệu dụng. Lìa bỏ tranh, nhiễm, hạnh như viên mãn, khổ não, oán thân, đều nên xa lìa. Tánh trí tuệ ấy thiện tịnh trọn đủ. Nhân duyên thích hợp, thù diệu sinh

khởi. Sân hận chuyển tới tạo tác hý luận, ngôn ngữ điên đảo, đâu hạnh của trời. Trí tuệ chuyển tu (chỉ) mong đạt cơm áo. Lời nói tham tục, đâu (phải là) chân trí tuệ. Cõi tâm giả trá, nhiễm buộc dấy lên. Mong cầu tạp loạn, phiền não, chướng sinh. Bậc đại quốc vương diễn nói chánh pháp khiến tâm hoan hỷ, thuận theo đạo lý. Trí tuệ tăng trưởng tự tại tận cùng. Dòng thác phiền não (tạo ra bao) hình tướng của khổ. Nghe, giữ trọn đủ. Các pháp mạn, vọng thảy nên xa lìa. Thế nào là bố thí căn bản? Pháp thiện tiêu trừ nhiễm, mạn, vọng tưởng. Chi phần thuận hợp, nghiệp đạo viên mãn. Tăng trưởng tận cùng (là sự) đói khát chân lý. Chế ngự, xa lìa.

Thế nào là mong dứt hết vọng tưởng? Lìa bỏ hý luận, tạo tác thanh tịnh. Thiện tịnh vui cầu, gắn bó Thập thiện. Trí tuệ bạn lành, tu tập viên mãn. Theo hạnh thanh tịnh, phước đức đầy đủ. Thân tâm, năm uẩn mong đạt an trụ. Thấu đạt vi diệu, nhân ấy vô biên. Phiền não, vọng ấy, đích thực thống khổ. Cõi học trọn đủ, thân thể tịnh diệu. Phước đức cõi đời, quả báo không sai. Thế nào là tăng trưởng cứu cánh tận cùng? Cõi học thấu đạt, cầu thắng nghĩa ấy. Thanh tịnh chân thực, vọng, nhiễm chẳng sinh. Đói khát, phiền não cõi ý thênh thang. Buộc, nhiễm bị diệt, như (cõi) không vô ngại, vượt cả tư duy. Vọng động liên tục, căn bản đều dứt. Tự tánh Như Lai vốn từ tuệ giác. Thuyết pháp tối thượng chỉ nẻo dẫn dường. (Chỉ ra) các nhân si, kém, độc, xấu bám chặt. Nẻo nghiệp thuận duyên, nhờ vào trí lực. Lực dụng thanh tịnh, ba độc chẳng sinh. Giữ, nghe, (theo) tự tánh, tâm mong đầy đủ. Ba thừa hóa độ, cùng đạt Niết-bàn. Chi phần chân thật, lìa vọng trọn vẹn. Dòng thác phiền não (tạo ra) ba loại căn bản. Gốc đã dứt rồi, ngọn ngành đều bỏ. Kính tin chư Phật, giáo pháp thanh tịnh. Pháp như vậy (gọi) là chốn chánh giải thoát. Từ chỗ ưu não, chúng sinh hòa hợp. Nơi chốn nghiêm trang, nói pháp Đại thừa. Cầu nhân vi diệu, danh sắc vô tướng, xa lìa tranh, nhiễm, viên mãn như vậy. Là cõi chúng sinh buông theo tham dục, phiền não điên đảo mặc sức dấy động. Nghĩa lợi thanh tịnh, thành tựu thích hợp, vô cùng tự tại. Các pháp vô ngã, chánh kiến thuận hợp. Si mê không bày, chúng sinh chứng đạt (chánh kiến, vô ngã). Thắng nghĩa vô tướng. Gìn giữ vẹn toàn. Nhân diệu thiện tịnh, diệu dụng tùy thuận. Tự tánh trong lặng, chở che nghĩa lợi. Lực dụng bố thí, hành giải thanh tịnh, là gốc báo nhân, phước đức không mất. Các pháp hữu vi luôn luôn biến chuyển. Nghiệp nhân tự tại như A-la-hán. Hòa hợp tĩnh lặng, ứng hiện tùy thuận. Đạt tánh bản giác, dưỡng nuôi thích hợp. Ba nghiệp thanh tịnh, đạt nghĩa như như.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.